

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SƠN LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SƠN LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SON LONG TRADING SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SON LONG TRADING., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109704967

3. Ngày thành lập: 13/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 45, Ngõ 83, Đường Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961431982

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	1629
2.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
3.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
4.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
5.	In ấn	1811
6.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
7.	Sao chép bản ghi các loại	1820
8.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
9.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
10.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
11.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
12.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
13.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
14.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
15.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
16.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
17.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

18.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2420
19.	Đúc sắt, thép	2431
20.	Đúc kim loại màu	2432
21.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
23.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
25.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
26.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
27.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
28.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
29.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
30.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
32.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
35.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
36.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
37.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom chất thải rắn thông thường	3811
38.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: - Thu gom chất thải nguy hại - Thu gom chất thải y tế	3812
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại Chi tiết: - Xử lý chất thải rắn sinh hoạt - Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	3821
40.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại Chi tiết: - Xử lý chất thải nguy hại - Xử lý chất thải y tế	3822
41.	Tái chế phế liệu	3830
42.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
45.	Xây dựng công trình điện	4221

46.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
47.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
48.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
49.	Xây dựng công trình thủy	4291
50.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
51.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
60.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
61.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
62.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
63.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
64.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
65.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
66.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
68.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
69.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
70.	Bán buôn thực phẩm	4632
71.	Bán buôn đồ uống	4633
72.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634

73.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: - Bán buôn vải - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác - Bán buôn hàng may mặc - Bán buôn giày dép	4641
74.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu - Bán buôn đồ trang sức - Bán buôn vàng trang sức, mỹ nghệ	4649(Chính)
75.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Kinh doanh trang thiết bị y tế: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
79.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
80.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662

81.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
82.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh hóa chất - Bán buôn phân bón - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
83.	Bán buôn tổng hợp	4690
84.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
85.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
86.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
87.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
88.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
89.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
90.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
92.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
93.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

94.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
95.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
96.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
97.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
98.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
99.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
100.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại đồ chơi có hại cho việc giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội);	4764
101.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

102.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc - Kinh doanh trang thiết bị y tế: Bán lẻ dụng cụ y tế - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
103.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ vàng trang sức, mỹ nghệ (Trừ Bán lẻ vàng miếng; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Hoạt động đấu giá)	4773
104.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ Hoạt động của đấu giá viên)	4774
105.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
106.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
107.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783

108.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
109.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ (Trừ loại trò chơi, đồ chơi có hại cho việc giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội)	4785
110.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động của đấu giá viên)	4789
111.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
112.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
113.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận chuyển hành khách bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự - Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt) - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
114.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
115.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận chuyển hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự	4933
116.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
117.	Bốc xếp hàng hóa	5224

118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Quản lý, kinh doanh bãi đỗ xe - Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ	5225
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận, vận chuyển - Giao nhận hàng hóa; - Dịch vụ logistics - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan (Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
120.	Bưu chính Chi tiết: - Dịch vụ thư - Kinh doanh dịch vụ bưu chính	5310
121.	Chuyển phát	5320
122.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
123.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
124.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
125.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
126.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
127.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
128.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
129.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
130.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
131.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
132.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

133.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
134.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
135.	Dịch vụ đóng gói	8292
136.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Tổ 1, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	15,000	001077020808	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	15,000		

2	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Tổ 2, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	001088027168
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000	
3	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Tổ 1, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	330.000	3.300.000.000	55,000	001082011047
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	330.000	3.300.000.000	55,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088027168

Ngày cấp: 10/05/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội